

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST

Ngày: 16-6-2022

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đô

Ông Nguyễn Xuân Hoàng

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện H: Bà Dương Thị Thúy - Kiểm sát viên

Trong ngày 16/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2014/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2014 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-DS ngày 27/5/2022 giữa:

**Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1957 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kết: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đại Bằng, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1946 (xin xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mát: Bà Nguyễn Thị Hòa và ông Thân Văn Dũng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (bà Hòa, ông Dũng đều có mặt)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

-Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1938 (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang

-Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960 (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2014, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Văn K trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 27/2/2012 (06/3/2012 dương lịch) bà Ngô Thị M vay của ông số tiền 30.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 27/2/2012, mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình. Thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 27/02/2012 đến ngày 27/4/2012 (17/5/2012 dương lịch). Lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 10%/năm, không ghi vào giấy biên nhận vay tiền. Ngày 5/5/2012 âm lịch bà Mát có trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng, còn lại số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng. Từ đó cho đến nay bà Mát chưa trả cho ông số tiền gốc và lãi nào. Ngày 29/9/2012 bà Ngô Thị M lại tiếp tục vay của ông số tiền 50.000.000 đồng, cùng ngày 29/9/2021 âm lịch, bà Mát lại vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 10%/năm, không ghi vào giấy biên nhận vay tiền. Tổng số tiền bà Mát vay là 70.000.000 đồng, mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình. Thời hạn vay từ ngày 29/9/2012 (12/11/2012 dương lịch) đến ngày 29/2/2013 âm lịch (18/3/2013 dương lịch) thì trả. Nhưng từ đó cho đến nay bà Mát chưa trả cho ông được số tiền gốc và lãi nào. Tổng số tiền bà Mát vay của ông là tổng là 100.000.000 đồng, và đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Ông xác định chữ viết và chữ ký “Ngô Thị M” tại phần chủ hộ vay tại giấy biên nhận vay tiền ngày 27/2/2012 âm lịch và giấy vay tiền ngày 29/9/2012 âm lịch là do bà Ngô Thị M viết và ký. Còn chữ “Kết, Hoàng Văn K” tại phần người cho vay là do ông viết và ký. Ông xác định đây là số tiền riêng của cá nhân ông, không liên quan đến số tiền chung của gia đình và đề nghị Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960 là vợ ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời ông xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà Mát, ông Tề. Nay ông yêu cầu bà Ngô Thị M và ông Hoàng Văn T phải trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 90.000.000 đồng và lãi 10% /năm của 2 giấy vay tiền tính từ 01/4/2013 dương lịch cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa ông Kết vắng mặt và ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Th tại phiên tòa trình bày: Ông Hoàng Văn K cho bà Ngô Thị M vay tổng số tiền là 100.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng là 10%/ năm, không ghi vào biên bản, xác định bà Ngô Thị M đã trả được số tiền gốc là 10.000.000 đồng và xác định đây là tài sản riêng của ông Hoàng Văn K và là nợ riêng của cá nhân bà Ngô Thị M. Nay ông Kết yêu cầu bà Ngô Thị M trả số tiền gốc là 90.000.000 đồng và lãi 9%/ năm, tính từ ngày 01/4/2013 dương lịch cho đến ngày xét xử là 09 năm 02 tháng 15 ngày là 74.587.500 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 164.587.500 đồng.

* Bị đơn bà Ngô Thị M trình bày: Hiện nay tinh thần bà minh mẫn, đi lại được, do có mối quan hệ là họ hàng với nhau nên ngày 27/2/2012 (06/3/2012 dương lịch) bà vay của ông Kết số tiền 30.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 27/2/2012. Thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 27/02/2012 đến ngày 27/4/2012 (17/5/2012 dương lịch). Lãi suất thỏa thuận bằng miệng nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu, không ghi vào giấy biên nhận vay tiền. Ngày 5/5/2012 âm lịch bà Mát có trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng, còn lại số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng. Ngày 29/9/2012 bà tiếp tục vay của ông Kết số tiền 50.000.000 đồng, cùng ngày 29/9/2021 âm lịch thì bà lại vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng.

Lãi suất thỏa thuận bằng miệng nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu, không ghi vào giấy biên nhận vay tiền. Tổng số tiền bà Mát vay là 70.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 29/9/2012 (12/11/2012 dương lịch) đến ngày 29/2/2013 âm lịch (18/3/2013 dương lịch) thì phải trả. Tổng số tiền của 2 mã vay bà xác định là 100.000.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng, mục đích vay là để trả cho các khoản vay khác và cho người khác vay, chữ viết trong giấy vay và chữ ký do bà viết và ký. Nay bà xác định còn nợ ông Kết số tiền 90.000.000 đồng và xác định đây là khoản vay riêng của cá nhân bà, không liên quan đến chồng bà là ông Hoàng Văn T và đề nghị Tòa án không đưa ông Tề vào tham gia tố tụng trong vụ án. Nay ông Kết có đơn khởi kiện yêu cầu bà và ông Tề trả số tiền còn nợ là 90.000.000 đồng và lãi 10%/ năm, tính từ ngày 01/4/2013 cho đến ngày xét xử thì bà đồng ý trả số tiền gốc 90.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì bà xin được miễn do hoàn cảnh hiện nay bà hết tuổi lao động và bị bệnh được hưởng trợ cấp theo chế độ người khuyết tật.

Tại phiên tòa bà Mát xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mát là bà Nguyễn Thị Hòa và ông Thân Văn Dũng –Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa trình bày: Ông Kết yêu cầu cá nhân bà Ngô Thị M trả cho ông Kết số tiền gốc là 90.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi 09%/năm, tính từ tháng 01/4/2013 dương lịch cho đến ngày xét xử thì đồng ý về số tiền gốc là 90.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì không chấp nhận vì tại các giấy vay không ghi lãi suất, hơn nữa hiện nay bà Ngô Thị M đang bị bệnh, hết tuổi lao động, hoàn cảnh khó khăn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn T trình bày: Việc vay mượn giữa vợ ông là bà Ngô Thị M với ông Hoàng Văn K như thế nào ông không được biết, đến khi Tòa án đến làm việc ông mới được biết và xác định đây là khoản nợ riêng của bà Mát, không vay vì mục đích phát triển kinh tế gia đình, do thời điểm khi vay bà Mát làm Tổ trưởng tổ vay vốn của thôn và đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa ông Tề xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M trình bày: Việc vay tiền giữa chồng bà với bà Ngô Thị M như thế nào bà không được biết, đến khi Tòa án về làm việc bà mới biết. Bà xác định đây là tài sản riêng của cá nhân ông Kết, không liên quan đến tài sản chung của gia đình nên bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa bà Minh xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 473; Điều 474; Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm

đ khoản 1 Điều 12 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn K.

1. Buộc bà Ngô Thị M phải trả cho ông Hoàng Văn K số tiền gốc là 90.000.000 đồng và lãi tính từ 01/4/2013 đến 16/6/2022 là 09 năm 02 tháng 15 ngày tổng là 74.587.500 đồng.

2. Về án phí: bà Ngô Thị M thuộc diện được miễn án phí dân sự sơ thẩm Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Ông Hoàng Văn K khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Ngô Thị M và ông Hoàng Văn T trả số tiền vay 90.000.000 đồng và lãi 10% năm tính ngày 01/4/2013 cho đến ngày xét xử, xác định là quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện H thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Kết vắng mặt và đã có ủy quyền, bị đơn là bà Ngô Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Minh, ông Tề có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Mát, bà Minh, ông Tề là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn K khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Ngô Thị M và ông Hoàng Văn T trả số tiền vay 90.000.000 đồng và lãi 10% năm, tính ngày 01/4/2013 dương lịch cho đến ngày xét xử thì thấy: Theo lời trình bày của ông Kết và các tài liệu có trong hồ sơ xác định ngày 27/2/2012 (06/3/2012 dương lịch) bà Ngô Thị M vay của ông Kết số tiền 30.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 27/2/2012, thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 27/02/2012 đến ngày 27/4/2012 (17/5/2012 dương lịch). Ngày 29/9/2012 bà Ngô Thị M lại tiếp tục vay của ông Kết số tiền 50.000.000 đồng, cùng ngày 29/9/2021 âm lịch thì bà Mát lại vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 29/9/2012 (12/11/2012 dương lịch) đến ngày 29/2/2013 âm lịch (18/3/2013 dương lịch). Tổng số tiền bà Mát vay là 100.000.000 đồng, hai bên xác định bà Mát đã trả được 10.000.000 đồng vào ngày ngày 5/5/2012 âm lịch, số tiền còn nợ là 90.000.000 đồng. Kể từ ngày vay đến nay bà Mát đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và chưa trả được đồng nào cho ông Kết. Nay ông Kết có đơn khởi kiện là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền thì thấy: Ông Kết xác định là nợ chung của vợ chồng bà Mát vì khi vay mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn K thay đổi chỉ xác định là nợ riêng của bà Ngô Thị M, đồng thời bà Mát, ông Tề chồng bà và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ngô Thị M cũng xác định là nợ riêng của bà Mát. Do vậy, xác định đây là nợ riêng của cá nhân bà Mát, buộc cá nhân bà Mát phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Hoàng Văn K là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Tại các mã vay tiền đều có ghi thời hạn trả nợ, tuy không ghi lãi suất cụ thể nhưng các bên đều thừa nhận là vay có lãi. Như vậy, xác định là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Trong quá trình làm việc tại Tòa án, ông Kết không yêu cầu trả lãi từ ngày vay, mà ông Kết chỉ yêu cầu trả lãi tính từ ngày 01/4/2013 cho đến ngày xét xử. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Kết chỉ yêu cầu người vay trả lãi 9%/năm, từ ngày 01/4/2013 dương lịch cho đến ngày xét xử, xét thấy mức lãi mà người đại diện theo ủy quyền của ông Kết đưa ra là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận theo Điều 471; Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, thời gian tính lãi từ ngày 01/4/2013 dương lịch đến ngày 16/6/2022 là 09 năm 02 tháng 15 ngày là 74.587.500 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 164.587.500 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do ông Kết, bà Mát vắng mặt nên các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn K được chấp nhận nên bà Ngô Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà Ngô Thị M thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Hoàng Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000 đồng theo biên lai số AA/2012/02732 ngày 20/10/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471; Điều 473; Điều 474; 478 của Bộ luật dân sự năm 2005, điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn K.

Buộc bà Ngô Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn K số tiền gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 74.587.500 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 164.587.500 đồng.

2. Về án phí: Do bà Mát thuộc đối tượng được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Hoàng Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000 đồng theo biên lai số AA/2012/02732 ngày 20/10/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lỗi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị SỰ

